

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg
ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình
Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU;

Căn cứ Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025 và Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-Ctr/TU;

Căn cứ Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 206/TTr-SNN ngày 06/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan, các hội, đoàn thể chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh;
- CVP;
- Lưu: VT, K13 (25b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản
giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định**
(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày .../.../2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nuôi trồng thủy sản hiệu quả, bền vững, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nuôi trồng thủy sản; đáp ứng được các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Diện tích nuôi đạt 4.300 ha, thể tích lồng nuôi 95.000 m³. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 20.000 tấn/năm, cụ thể:

+ Nuôi trồng thủy sản nước ngọt: 2.400 ha (nuôi quảng canh hồ chứa 2.250 ha, nuôi ao 150 ha), thể tích lồng nuôi đạt 35.000 m³; sản lượng đạt 2.400 tấn/năm.

+ Nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn: 1.900 ha (nuôi tổng hợp tôm – cua – cá 1.230 ha, nuôi tôm thẻ chân trắng 620 ha, nuôi thủy đặc sản 50 ha); sản lượng tôm nước lợ 15.500 tấn/năm; cá biển và các loài thủy đặc sản nuôi trong ao nước lợ 1.680 tấn/năm.

+ Nuôi biển: Tổng thể tích lồng nuôi đạt 60.000 m³, sản lượng 300 tấn/năm (cá bóp, mú, chẽm,... 270 tấn, tôm hùm 30 tấn); trồng rong biển 02 ha, sản lượng 120 tấn/năm.

- Chủ động sản xuất, cung ứng 100% con giống các loại thủy sản có khối lượng hàng hóa lớn (tôm thẻ chân trắng, cá rô phi) và 30% các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Đầu tư, hoàn thiện hạng mục nhà máy chế biến tôm, nhà máy sản xuất thức ăn tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, đảm bảo đầu ra ổn định đạt 20% sản lượng sản phẩm nuôi trồng thủy sản (đối với đối tượng nuôi chủ lực).

2.2. Đến năm 2030

- Diện tích nuôi đạt 4.300 ha, thể tích lồng nuôi 160.000 m³. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 24.000 tấn/năm, cụ thể:

+ Nuôi trồng thủy sản nước ngọt: 2.400 ha (nuôi quảng canh hồ chứa 2.250 ha, nuôi ao 150 ha), thể tích lồng nuôi đạt 60.000 m³; sản lượng đạt 2.700 tấn/năm.

+ Nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn: 1.900 ha (nuôi tổng hợp tôm - cua - cá 1.130 ha, nuôi tôm thẻ chân trắng 720 ha, nuôi thủy đặc sản 50 ha); sản lượng tôm nước lợ 19.000 tấn/năm; cá biên và các loài thủy đặc sản nuôi trong ao 1.300 tấn/năm.

+ Nuôi biển: Tổng thể tích lồng nuôi đạt 100.000 m³, sản lượng 600 tấn/năm; trồng rong biển kết hợp nuôi nhuyễn thể 10 ha, sản lượng 400 tấn/năm.

- Chủ động sản xuất, cung ứng 100% con giống các loại thủy sản có khối lượng hàng hóa lớn (tôm thẻ chân trắng, cá rô phi) và 50% các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng và đưa vào vận hành sản xuất, hình thành chuỗi liên kết trong cung ứng con giống, thức ăn, sản xuất, chế biến và tiêu thụ tôm thương phẩm cho cả khu vực tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, đảm bảo đầu ra ổn định đạt 40% sản lượng sản phẩm nuôi trồng thủy sản (*đối với đối tượng nuôi chủ lực*).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển sản xuất giống thủy sản

1.1. Nâng cao năng lực sản xuất giống thủy sản

- Thu hút các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu, sản xuất và phát triển giống thủy sản, đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất.

- Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân xây dựng, áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học, các tiêu chuẩn chất lượng trong sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

1.2. Phát triển sản xuất giống thủy sản theo nhóm loài

- Đối với tôm nước lợ: Đẩy mạnh sử dụng nguồn giống tôm bố mẹ gia hóa trong nước đối với các doanh nghiệp sản xuất tôm giống trên địa bàn huyện Phù Mỹ và các cơ sở sản xuất giống hiện có. Cung cấp giống tôm tăng trưởng nhanh, sạch bệnh.

- Đối với giống các đối tượng nuôi nước ngọt: Áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới, chuyển giao công nghệ mới trong sản xuất ương dưỡng, chọn tạo giống để nâng cao chất lượng, đặc biệt là giống cá rô phi/điều hồng phục vụ cho phát triển nuôi lồng bè trên các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu thực nghiệm sản xuất nhân tạo các loài mới thích hợp với điều kiện phát triển

nuôi tại các địa phương trong tỉnh. Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn lợi giống chình mun, khai thác hợp lý, sử dụng có hiệu quả nguồn giống chình bông phục vụ nuôi thương phẩm.

- Đối với giống các đối tượng nuôi biển: Kêu gọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư công nghệ sản xuất giống, ương dưỡng, chọn tạo giống phù hợp, tập trung vào các đối tượng cá biển có giá trị kinh tế cao như: cá bớp, cá mú, cá chim vây vàng...; chuyển đổi diện tích nuôi tôm nước lợ ven đầm, ven biển không hiệu quả sang ương dưỡng giống các đối tượng cá biển như: cá măng, cá mú, cá dìa, cá bớp, cá chim vây vàng... Đây mạnh phát triển nghề ương tôm hùm giống tại thành phố Quy Nhơn.

- Kiểm soát chặt chẽ số lượng, chất lượng giống từ nguồn nhập khẩu và khai thác tự nhiên.

2. Phát triển nuôi trồng thủy sản

Chuyển từ nuôi trồng theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; hiện đại hóa công tác quản lý nghề nuôi biển.

2.1. Phát triển nuôi theo nhóm loài

a) Đối với tôm nước lợ

- Tổ chức lại các hộ nuôi tôm theo các hình thức hợp tác phù hợp (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ cộng đồng...), hình thành từng vùng nuôi tập trung có nội quy, quy chế quản lý cộng đồng nhằm tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, phòng trừ dịch bệnh, cung ứng dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng và củng cố vùng nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, ứng dụng kỹ thuật mới, tiên tiến, công nghệ Biofloc, RAS,... vào sản xuất để tiết kiệm nước, nhiên liệu, thân thiện môi trường.

- Thực hành sản xuất an toàn sinh học như nuôi tôm thẻ chân trắng kết hợp với cá rô phi, nuôi 02 - 03 giai đoạn... Tiếp tục chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nuôi Semi Biofloc tại 04 vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh các huyện/thị xã: Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn. Chuyển đổi diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh - bán thâm canh đủ điều kiện sang nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao.

b) Đối với cá rô phi/điều hồng

- Khảo sát, rà soát đánh giá khả năng phát triển nuôi lồng bè tại các địa điểm mới, xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp.

- Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nuôi cá rô phi/điều hồng trên địa bàn tỉnh theo hình thức nuôi lồng, tập trung tại các hồ chứa thủy lợi, đập dâng. Sử dụng công nghệ mới áp dụng vào sản xuất để nâng cao chất lượng, tạo ra khối lượng sản phẩm quy mô hàng hóa.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các biện pháp chăm sóc, phòng trị bệnh đối với các vùng nuôi lồng bè tập trung. Đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật nuôi trong mùa nắng nóng, diễn biến thời tiết thất thường; biện pháp thu hoạch phù hợp trước khi có mưa lũ xảy ra.

- Kêu gọi các doanh nghiệp thu mua, chế biến, xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ để mở rộng sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm.

c) Đối với các đối tượng nuôi biển (cá biển, tôm hùm, nhuyễn thể, rong...)

- Khảo sát, điều tra đánh giá thực trạng, xác định tiềm năng và đề xuất khu vực phát triển nuôi biển tại các vùng biển của huyện/thị xã/thành phố: Quy Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn để làm cơ sở tích hợp quy hoạch nuôi biển vào Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050.

- Ứng dụng công nghệ nuôi tiên tiến, hiện đại vào phát triển nuôi lồng bè tại vùng biển có điều kiện phù hợp của tỉnh; kết hợp giữa nuôi biển với hoạt động các ngành kinh tế khác để tận dụng hệ thống cơ sở hạ tầng và hỗ trợ các hoạt động sản xuất trên biển. Áp dụng phương thức nuôi công nghiệp, ưu tiên phát triển các mô hình nuôi đa loài.

- Phát triển mô hình trồng rong trong ao kết hợp với nuôi các đối tượng thủy sản; trồng bằng giàn dây căng sử dụng phao nổi nhựa HDPE kết hợp nuôi hào, phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển; thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi thuế, phí đối với các hoạt động nuôi trên biển, thực hiện tốt vốn tín dụng đầu tư phát triển, chính sách bảo hiểm cho người lao động và cơ sở nuôi biển; hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm thủy sản nuôi biển; tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm trong nước và quốc tế, nhằm tạo điều kiện phát triển nuôi biển thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Tuyên truyền chuyển đổi từ thức ăn tươi sống sang thức ăn công nghiệp phù hợp với đối tượng nuôi, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức lại các cơ sở nuôi nhỏ lẻ, phân tán theo hình thức quản lý có sự tham gia của cộng đồng, trong đó chú trọng các mô hình Tổ tự quản, Tổ hợp tác, Hợp tác xã nhằm tăng cường liên kết, giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và chung tay bảo vệ môi trường.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại phát triển nuôi biển, bao gồm các hạng mục hạ tầng thiết yếu cho phát triển các vùng sản xuất giống; vùng nuôi trồng thủy sản trên biển; khu công nghiệp hỗ trợ phục vụ nuôi biển, hệ thống quan trắc môi trường nuôi biển tự động...

d) Đối với các loài cá truyền thống, bản địa, thủy đặc sản

Ưu tiên phát triển các đối tượng có giá trị kinh tế cao và thị trường tiêu thụ như cá thát lát, cá lăng nha, cá lóc, rạm, ốc bươu đen,...; khai thác tiềm năng mặt

nước sông, suối, hồ chứa, hồ thủy điện, thủy lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản, cung cấp thực phẩm, tạo sinh kế, góp phần xóa đói giảm nghèo và tăng thu nhập cho người dân.

2.2. Kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trong nuôi trồng thủy sản

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và các yêu cầu của thị trường nhập khẩu về chất lượng, an toàn thực phẩm trong các công đoạn sản xuất, thu hoạch, vận chuyển sản phẩm thủy sản.

- Thực hiện đăng ký/cấp giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng/bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo quy định Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Xây dựng, phát triển các vùng nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm, thực hiện giám sát dư lượng hóa chất, thuốc, kháng sinh; xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo quy định của pháp luật và yêu cầu thị trường.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định và xử lý vi phạm trong lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản.

2.3. Kiểm soát an toàn bệnh dịch và quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản

- Xây dựng, phát triển các cơ sở nuôi, vùng nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá rô phi tập trung an toàn bệnh dịch.

- Thiết lập và kiện toàn hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng chống dịch bệnh chủ động cho những vùng nuôi thủy sản tập trung; thông tin kịp thời kết quả quan trắc để người sản xuất chủ động xử lý các sự cố về môi trường và dịch bệnh.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tổ chức sản xuất

- Tổ chức đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ khuyến ngư.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành thủy sản. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm về công nghệ mới, phương pháp tổ chức sản xuất, thị trường, quy định pháp luật có liên quan cho các lực lượng lao động tham gia chuỗi sản xuất thủy sản.

4. Phát triển các mô hình hợp tác và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Phát triển, mở rộng các tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ đồng quản lý, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, từ vật tư đầu vào, nuôi thương phẩm đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó doanh nghiệp chế biến đóng vai trò hạt nhân liên kết; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư toàn bộ các khâu trong chuỗi giá trị.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc, triển khai chương trình truyền thông, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho một số sản phẩm thủy sản có tính đặc trưng của tỉnh phục vụ việc phát triển thương hiệu.

5. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ trong nuôi trồng thủy sản

- Sản xuất nhân tạo các giống thủy sản mới, có tiềm năng phát triển; giống có khả năng thích nghi cao với điều kiện môi trường, tăng trưởng nhanh, kháng bệnh, sạch bệnh.

- Phát triển công nghệ nuôi phù hợp, thân thiện môi trường, thu gom, xử lý chất thải, nước thải từ nuôi trồng thủy sản, phụ phẩm từ nuôi trồng, tiết kiệm nước, nhiên liệu, nguyên liệu; hạn chế dùng thuốc, hóa chất có nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường, an toàn thực phẩm.

- Áp dụng các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thủy sản.

- Đẩy mạnh chuyển đổi sang ứng dụng công nghệ tự động hóa ở các khâu liên quan đến kỹ thuật sản xuất, quan trắc, cảnh báo môi trường, truy xuất nguồn gốc.

III. CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI

Danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên triển khai theo Phụ lục đính kèm.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2030.

- Kinh phí vận động, huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án của các sở, ngành và địa phương có liên quan theo quy định về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định hiện hành.

- Vận dụng các chính sách của Trung ương, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản của tỉnh; rà soát, áp dụng các văn bản, quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để quản lý hiệu quả hoạt động nuôi trồng thủy sản, phù hợp với thực tiễn.

- Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, tổng kết Kế hoạch; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các nhiệm vụ, chương trình, dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các hạng mục đầu tư thuộc Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh tổ chức xúc tiến, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ và đầu tư phát triển nuôi biên hồ ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương và nhu cầu kinh phí của các ngành, phối hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện phù hợp, đảm bảo quy định để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan tới hỗ trợ tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nuôi trồng thủy sản; xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ; ưu tiên các nhiệm vụ để thực hiện Kế hoạch trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan.

- Hướng dẫn, hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện việc xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu đối với sản phẩm nuôi trồng thủy sản có thể mạnh trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của Nhà nước và quy định của Quốc tế nhằm nâng cao giá trị, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nuôi trồng thủy sản của tỉnh.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cập nhật cơ sở dữ liệu, thông tin về thị trường, giá cả cho các cơ quan, doanh nghiệp, người sản xuất liên quan; xây dựng, triển khai thực hiện các đề án, nhiệm vụ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào việc thu mua, tiêu thụ thủy sản nuôi từ các dự án sản xuất nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương đưa nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản vào Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (giai đoạn 2021-2025) và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện. Hướng dẫn các tổ chức lập thủ tục

thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao khu vực biển theo đúng quy định để phát triển nuôi trồng thủy sản. Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, điều kiện thực tế của địa phương, chỉ đạo tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền của địa phương Kế hoạch triển khai. Hàng năm tổ chức sơ kết việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

- Hàng năm, bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp và theo đúng quy định để tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch tại địa phương.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp lại hoạt động nuôi thủy sản để phù hợp với nội dung của Kế hoạch, đảm bảo hài hòa với các hoạt động kinh tế khác của địa phương.

8. Các hội đoàn thể

- Triển khai phổ biến, tuyên truyền rộng rãi các nội dung Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; phối hợp đề xuất UBND tỉnh những giải quyết các vướng mắc để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này ./.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả
1	Kêu gọi đầu tư phát triển Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện Phù Mỹ và các doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản	2023-2026	Xây dựng và đưa vào sản xuất nhà máy chế biến tôm, nhà máy sản xuất thức ăn, khu nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao tại Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ
2	Điều tra, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản (cơ sở, đối tượng, diện tích, sản lượng, ...) phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương, các tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản	2024-2025	Hình thành cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản của tỉnh, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản
3	Nghiên cứu phát triển và chế biến sâu một số sản phẩm từ rong biển theo hướng nâng cao chất lượng và phát triển thành chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan	2024-2026	Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị trồng rong biển; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm rong biển, đáp ứng nhu cầu thị trường, phát huy tiềm năng phát triển nghề trồng rong biển trong tỉnh
4	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các địa phương ven biển	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	Các sở, ngành liên quan	2025-2030	Phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đảm bảo an toàn dịch bệnh tại các địa phương ven biển
5	Thiết lập và kiện toàn hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường cho những vùng nuôi thủy sản tập trung	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, các địa phương	2025-2030	Hoàn thiện hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường cho những vùng nuôi thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh

6	Kêu gọi đầu tư nuôi biển hở ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trên các vùng biển có điều kiện phù hợp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, các địa phương, các tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản	2025-2030	Đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển sử dụng lồng nuôi theo công nghệ Na Uy tại khu vực biển của tỉnh với quy mô trên 20 ha
7	Phát triển nuôi một số đối tượng như: rong biển, bào ngư, hải sâm, ... gắn với du lịch, bảo tồn nguồn lợi thủy sản tại Khu bảo tồn vịnh biển Quy Nhơn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND thành phố Quy Nhơn, các tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản	2025-2030	Hình thành Khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản vịnh biển Quy Nhơn gắn với du lịch sinh thái biển